

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 102 /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 10 năm 2018

## TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 – 2020**

|                               |                             |
|-------------------------------|-----------------------------|
| TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI |                             |
| ĐẾN                           | Số: ..... 9235 .....        |
|                               | Ngày: ..... 8.10.2018 ..... |
|                               | Chuyên: .....               |

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006; Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật về Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Luật Việc làm năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020, như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (gọi tắt là xuất khẩu lao động) là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giải quyết việc làm, giảm nghèo, phát triển nghề nghiệp, tăng thu nhập cho nhân dân. Xuất khẩu lao động còn là điều kiện tốt để nâng cao trình độ kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp; đúc kết và kinh nghiệm áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người lao động sau khi về nước, số lao động này sẽ bổ sung vào lực lượng lao động có tay nghề và kỹ thuật cao, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà. Giai đoạn 2011-2015, toàn tỉnh có 8.041 người đi xuất khẩu lao động, đạt 114,8% Kế hoạch (8.041/7.000 lao động), theo Đề án xuất khẩu lao động huyện nghèo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ là 776 người.

Tuy nhiên, công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài của tỉnh còn hạn chế. Chất lượng lao động thấp; lao động tham gia vào thị trường có thu nhập cao chưa nhiều (khoảng 30% - 35%/tổng số người đi lao động

làm việc ở nước ngoài). Hầu hết doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh quy mô nhỏ, năng lực, sức cạnh tranh yếu. Quyền lợi của người lao động đi làm việc ở nước ngoài chưa được bảo đảm thoả đáng; một bộ phận người lao động ý thức kỷ luật, tác phong làm việc còn kém; vi phạm kỷ luật lao động và luật pháp nước sở tại... làm giảm uy tín, hình ảnh của lao động Việt Nam ở nước ngoài.

Nguyên nhân của các hạn chế, yếu kém là do: Một số cấp uỷ đảng, chính quyền, doanh nghiệp và người dân nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật liên quan đến công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài chưa thường xuyên, đầy đủ, chưa làm tốt việc đào tạo nghề, ngoại ngữ, giáo dục pháp luật, phong tục, tập quán,... của nước sở tại cho người lao động. Một số tổ chức và cá nhân lợi dụng việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài để trục lợi, lừa đảo người lao động. Việc quản lý, thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm trong công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài chưa thường xuyên, kịp thời và nghiêm minh.

Mặc dù trong thời gian qua tỉnh đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ như: Chi phí hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ, giáo dục định hướng, bổ túc nghề theo Quyết định số 262/2008/QĐ-UBND ngày 09/9/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh; Chi phí hỗ trợ khám sức khỏe ban đầu người đăng ký đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 25/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh. Tuy nhiên chính sách hỗ trợ hiện nay không còn phù hợp và chỉ dừng lại ở nhóm đối tượng thuộc diện chính sách, mức hỗ trợ thấp, chưa đủ để khuyến khích người lao động trên địa bàn tỉnh tham gia xuất khẩu lao động ở những thị trường chất lượng cao. Nguồn vốn cho vay xuất khẩu lao động ở mức giới hạn, chưa đáp ứng nhu cầu cho người lao động vay vốn để trang trải đủ chi phí cần thiết theo hợp đồng khi tham gia xuất khẩu lao động ở thị trường có thu nhập cao.

Do đó, việc ban hành Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2020 là hết sức cần thiết, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và đáp ứng được nhu cầu của lao động có nguyện vọng tham gia xuất khẩu lao động ở thị trường các nước có thu nhập cao.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Nhằm góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần giảm nghèo, tự vươn lên làm giàu chính đáng của người dân; thúc đẩy phát triển

kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao chất lượng nguồn lao động có tay nghề, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh.

## **2. Quan điểm chỉ đạo**

Đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính hợp lý, tính khả thi, tạo điều kiện cho việc thi hành và áp dụng trong thực tế.

Thực hiện đúng trách nhiệm của cơ quan nhà nước ở địa phương trong việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Quá trình xây dựng dự thảo dựa trên tính kế thừa các quy định hiện hành; thực hiện đúng nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TU ngày 01/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Ngãi về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Công văn số 1573/UBND-KGVX ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về việc xây dựng chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2018-2020;

Dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 – 2020 đã lấy ý kiến các Sở, Ngành, hội Đoàn thể và UBND các huyện, thành phố bằng văn bản; đồng thời, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh từ ngày 30/8/2017 đến ngày 15/9/2017 (*nội dung đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh không có ý kiến phản hồi*); thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 60/BC-STP ngày 02/5/2018, UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 33/TTr-UBND tỉnh ngày 15/5/2018.

Sau khi được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất tại Công văn số 136/HĐND-VHXH ngày 18/5/2018 về việc xây dựng và trình HĐND tỉnh dự thảo nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020; UBND tỉnh giao cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018-2020 lấy ý kiến góp ý của các Sở, Ngành, hội Đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố; đồng thời đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh từ ngày 23/5/2018 đến ngày 12/6/2018 (*qua theo dõi trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh không có ý kiến phản hồi*). Sở Tư Pháp tại Báo cáo số 95/BC-STP ngày

12/6/2018, tại cuộc họp UBND tỉnh ngày 03/10/2018 đã thống nhất nội dung hoàn chỉnh trình HĐND tỉnh.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Bố cục**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

2. Đối tượng áp dụng

Điều 2. Điều kiện được hỗ trợ

Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải đảm bảo hai điều kiện sau:

1. Có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú từ đủ 12 tháng trở lên kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền xác nhận cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đã tham gia hoàn thành khoá học do đơn vị cung ứng lao động đi làm việc ở nước ngoài tổ chức hoặc các cơ sở đào tạo nghề của tỉnh.

Điều 3. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc đối tượng quy định tại khoản 3, Điều 16, Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Hỗ trợ người lao động không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Hỗ trợ người lao động không thuộc diện chính sách vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Hiệu lực thi hành

## 2. Nội dung cơ bản

### a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 – 2020.

### b) Đối tượng áp dụng

- Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

### c) Điều kiện được hỗ trợ

Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải đảm bảo hai điều kiện sau:

- Người lao động có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú từ đủ 12 tháng trở lên kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền xác nhận cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, kể cả thực tập sinh Việt Nam sang Nhật Bản.

- Người lao động đã tham gia hoàn thành khoá học do đơn vị cung ứng lao động đi làm việc ở nước ngoài tổ chức hoặc các cơ sở đào tạo nghề của tỉnh được cấp có thẩm quyền cho phép đào tạo nghề tổ chức cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận về đào tạo nghề, ngoại ngữ; xác nhận hoàn thành khoá học bồi dưỡng kiến thức cần thiết để đi làm việc ở nước ngoài.

### d) Mức hỗ trợ

d1) Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm được hỗ trợ thêm để đủ 100% chi phí theo mức chi phí đào tạo ngoại ngữ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

d2) Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc đối tượng quy định tại khoản 3, Điều 16, Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, ngoài mức hỗ trợ theo quy định của Trung ương thì được hỗ trợ thêm để đủ 5.000.000 đồng/1 lao động xuất cảnh.

d3) Hỗ trợ người lao động không thuộc đối tượng quy định tại điểm d1, d2 nêu trên

Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ 3.000.000 đồng/1 lao động xuất cảnh để chi trả các khoản: học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết...

đ) Hình thức hỗ trợ

Về quy trình và thủ tục hỗ trợ trực tiếp cho người lao động thông qua Phòng lao động-Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố nơi người lao động cư trú hợp pháp theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

e) Hỗ trợ người lao động vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Người lao động không thuộc diện chính sách (trừ đối tượng là bộ đội, công an xuất ngũ đã quy định tại Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020) khi tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được vay 50%/tổng chi phí cần thiết còn lại ghi trong hợp đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội, với lãi suất tiền vay thông thường theo quy định của Ngân hàng chính sách xã hội tại thời điểm vay và thời hạn vay không quá thời hạn người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

g) Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện

Tổng dự kiến số người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2018 - 2020 được hỗ trợ kinh phí là 2.210 lao động, số tiền: 16,307 tỷ đồng (*Mười sáu tỷ ba trăm lẻ bảy triệu đồng chẵn*). Trong đó:

g1) Nguồn kinh phí thực hiện Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh.

Chính sách hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: 1.960 người, số tiền: 4,307 tỷ đồng.

g2) Nguồn kinh phí cho vay từ nguồn ngân sách tỉnh, nguồn thu từ gốc và lãi cho vay tại Ngân hàng chính sách xã hội bổ sung vào nguồn vốn cho vay đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hằng năm.

Tổng số người vay và nguồn vốn cho vay dự kiến 3 năm (2018-2020) là: 250 người, số tiền: 12 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh bố trí là 10 tỷ đồng (Bổ sung năm 2018: 2 tỷ đồng, năm 2019: 4 tỷ đồng, năm 2020: 4 tỷ đồng).

- Nguồn vốn thu từ gốc và lãi cho vay tại Ngân hàng chính sách xã hội quản lý bổ sung vào nguồn vốn cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 2 tỷ đồng (Năm 2019: 1 tỷ đồng, năm 2020: 1 tỷ đồng).

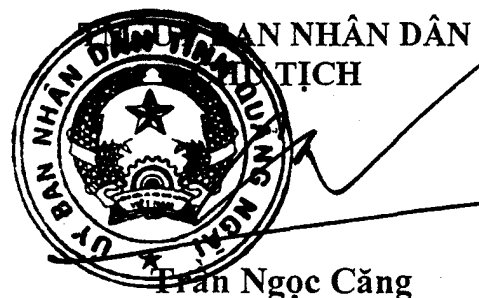
*(Chi tiết có bản Thuyết minh và phụ lục số 01 đính kèm)*

Sau khi Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định của pháp luật; hằng năm, tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 - 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXH-HĐND tỉnh;
- Các Sở: LĐTBXH, Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP (VX), KGVX, TH, CBTH;
- Lưu: VT, KGVXthuy480





## THUYẾT MINH

Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài  
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2018 – 2020  
(theo dự thảo Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết)

### A. Chính sách hỗ trợ người lao động

#### I. Chính sách hiện hành

1. Quyết định số 630/QĐ-LĐTBXH ngày 19/5/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Quy định tạm thời đơn giá đào tạo nghề, ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động thuộc các huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo chính sách tại Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Đơn giá đào tạo ngoại ngữ (tại Khoản 2, Điều 1, Quyết định số 630/QĐ-LĐTBXH):

- + Tiếng Anh: 2.650.000 đồng/học viên/khoá học (300 giờ);
- + Tiếng Trung: 2.650.000 đồng/học viên/khoá học (300 giờ);
- + Tiếng Hàn: 4.500.000 đồng/học viên/khoá học (520 giờ);
- + Tiếng Nhật: 5.900.000 đồng/học viên/khoá học (520 giờ).

2. Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

2.1. Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2:

- a) Người dân tộc thiểu số;
- b) Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật;
- c) Thân nhân của người có công với cách mạng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;



d) Người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

2.2. Mức đào tạo ngoại ngữ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 3: **tối đa 3.000.000 đồng/người/khoá học.**

3. **Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017** của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

a) **Điều 15 quy định** (Đối tượng hỗ trợ): Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, lao động cư trú dài hạn trên địa bàn huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo có nhu cầu đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

b) **Điều 16 quy định mức hỗ trợ chi phí** đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức và chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài:

1. Người lao động thuộc **hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số** được hỗ trợ 100% mức chi phí theo quy định tại khoản 1 Điều 16.

2. Người lao động thuộc **hộ cận nghèo** quy định tại khoản 2 Điều 16 được hỗ trợ tối đa bằng 70% mức hỗ trợ đối với người lao động thuộc **hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số.**

3. Người lao động **khác** cư trú dài hạn trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang quy định tại khoản 3 Điều 16 được hỗ trợ tối đa *bằng 50% mức hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết* để đi làm việc ở nước ngoài đối với đối tượng thuộc **hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số.**

## **II. Đề xuất chính sách hỗ trợ của tỉnh**

### **1. Tại điểm d1, Khoản 2, Tờ trình:**

Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại khoản 1, Điều 2, Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ khi đăng kí tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (xuất khẩu lao động) tại Hàn Quốc, Nhật Bản thì được ngân sách tỉnh **hỗ trợ thêm để đủ 100%** chi phí đào tạo **ngoại ngữ** do cấp có thẩm quyền ban hành (**Quyết định số 630/QĐ-LĐTBXH** ngày 19/5/2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội). Số tiền hỗ trợ thêm đào tạo ngoại ngữ như sau:

a) Tiếng Hàn: 1.500.000 đồng/học viên/khoá học (520 giờ);

(4.500.000 đ - 3.000.000 đ = 1.500.000 đồng)

b) Tiếng Nhật: 2.900.000 đồng/học viên/khoá học (520 giờ).

(5.900.000 đ - 3.000.000 đ = 2.900.000 đồng)

## 2. Tại điểm d2, Khoản 2, Tờ trình:

Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc đối tượng quy định tại khoản 3, Điều 16, Thông tư số 15/2017/BTC ngày 15/02/2017 quy định “hỗ trợ cho người lao động khác” cư trú dài hạn trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang (ngoài số đối tượng: (1) Người lao động thuộc hộ nghèo, (2) hộ đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ 100% mức chi phí theo quy định tại khoản 1, Điều 16 và số đối tượng: (3) Người lao động thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ tối đa bằng 70% mức hỗ trợ đối với người lao động thuộc hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại khoản 2 Điều 16). Mức hỗ trợ: tối đa bằng 50% mức hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết để đi làm việc ở nước ngoài.

Tuy nhiên, mức hỗ trợ cho người lao động tùy thuộc vào từng thị trường và chưa đủ 5.000.000 đồng cho một lao động; cho nên ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm để đủ 5.000.000 đồng/1 lao động xuất cảnh, cụ thể:

|              | Ngân sách Trung ương đã hỗ trợ (50%) |           |                     |           | Ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm (để bằng 5.000.000 đồng/1 lao động xuất cảnh) |
|--------------|--------------------------------------|-----------|---------------------|-----------|--|
|              | Ngoại ngữ                            | Nghề      | Kiến thức cần thiết | Cộng      |  |
| 1. Nhật Bản  | 2.950.000                            | 1.000.000 | 265.000             | 4.215.000 | 785.000  |
| 2. Hàn Quốc  | 2.250.000                            | 1.000.000 | 265.000             | 3.515.000 | 1.485.000  |
| 3. Nước khác | 1.325.000                            | 1.000.000 | 265.000             | 2.590.000 | 2.410.000  |

## 3. Tại điểm d3, Khoản 2, Tờ trình:

Hỗ trợ người lao động không thuộc đối tượng quy định tại điểm d1, d2 Khoản 2 nêu trên (ngoài các đối tượng: (1) Hộ đồng bào dân tộc thiểu số, (2) hộ nghèo, (3) hộ cận nghèo, (4) thân nhân của người có công với cách mạng, (5) người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, (6) người lao động cư trú dài hạn trên địa bàn huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo) đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ 3.000.000 đồng/1 lao động xuất cảnh để chi trả các khoản: học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết...

**Cơ sở đề xuất: Mức hỗ trợ 30%/mức quy định tại Khoản 1, Điều 2, Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBH-BTC, cụ thể:**

1. Hỗ trợ đào tạo nghề:  $2.000.000đ \times 30\% = 600.000$  đồng;
2. Hỗ trợ kinh phí đào tạo ngoại ngữ:  $3.000.000đ \times 30\% = 900.000$  đồng;
3. Bồi dưỡng kiến thức cần thiết (hiểu biết về pháp luật, phong tục tập quán nước tiếp nhận lao động.):  $530.000đ \times 30\% = 159.000$  đồng;
4. Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe:  $750.000đ \times 30\% = 225.000$  đồng;
5. Hỗ trợ chi phí làm hộ chiếu:  $200.000đ \times 30\% = 60.000$  đồng;
6. Hỗ trợ chi phí cấp phiếu lý lịch tư pháp:  $200.000đ \times 30\% = 60.000$  đồng;
7. Hỗ trợ lệ phí làm thị thực (Visa) theo quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động (theo Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016):  $600.000đ \times 30\% = 300.000$  đồng (tạm tính, ví dụ: mức hiện nay làm visa đi Nhật là 180.000đ);
8. Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian đào tạo ngoại ngữ:  $(40.000đ/người/ngày thực học \times 26 \text{ ngày} \times 3 \text{ tháng} = 3.120.000đ \times 30\%) = 936.000$  đồng.

Cộng: 3.120.000 đồng

*(Đề xuất lấy tròn: Ba triệu đồng chẵn)*

## **B. Chính sách vay vốn**

### **I. Chính sách hiện hành**

#### **1. Ngân sách Trung ương**

a) Điều 11, Chương III, Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định hỗ trợ vay vốn đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, gồm: (1) Người thuộc hộ nghèo, (2) hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, (3) người dân tộc thiểu số, (4) hộ cận nghèo, (5) thân nhân của người có công với cách mạng.

b) Mức vay tối đa 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được quy định tại Điều 36, Mục 3, Chương V, Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

#### **2. Ngân sách địa phương**

Tại Quyết định số 57/2017/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương

ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

a) Tại điểm a, Khoản 2, Điều 5 Quyết định số 57/2017/QĐ-UBND quy định: Các đối tượng chính sách gồm: (1) Thân nhân người có công cách mạng, (2) hộ nghèo, (3) hộ cận nghèo, (4) hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, (5) bộ đội, công an xuất ngũ, (6) hộ đồng bào dân tộc thiểu số được vay 100%/tổng mức chi phí cần thiết từ Nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để trang trải chi phí khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Tại điểm b, Khoản 2, Điều 5 Quyết định số 57/2017/QĐ-UBND quy định: Các đối tượng khác được vay 50%/tổng mức chi phí cần thiết từ Nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để trang trải chi phí khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

## **II. Đề xuất chính sách hỗ trợ vay vốn**

Người lao động không thuộc diện chính sách (trừ đối tượng là bộ đội, công an xuất ngũ đã quy định tại Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chương trình việc làm tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020) khi tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được vay 50%/tổng chi phí cần thiết còn lại ghi trong hợp đồng tại Ngân hàng chính sách xã hội, với lãi suất tiền vay thông thường theo quy định của Ngân hàng chính sách xã hội tại thời điểm vay và thời hạn vay không quá thời hạn người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

### **C. Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện**

Tổng dự kiến số người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2018 - 2020 được hỗ trợ kinh phí là 2.210 lao động, số tiền (lấy số tròn): 16,307 tỷ đồng (Mười sáu tỷ ba trăm lẻ bảy triệu đồng chẵn). Trong đó:

1. Nguồn kinh phí thực hiện Chính sách hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được bố trí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh.

Tổng số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, dự kiến 3 năm 2018-2020 là: 1.960 người, số tiền: 4,307 tỷ đồng, trong đó: :

a) Đối tượng chính sách: 500 người, số tiền: 1,268 tỷ đồng;

b) Đối tượng không thuộc diện chính sách: 1.460 người, số tiền: 3,039 tỷ đồng.

2. Nguồn kinh phí cho vay từ nguồn vốn ngân sách tỉnh, nguồn vốn thu từ gốc và lãi cho vay tại Ngân hàng chính sách xã hội quản lý bổ sung vào nguồn vốn cho vay đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hằng năm.

Tổng số người vay và nguồn vốn cho vay, dự kiến 3 năm 2018-2020 là: 250 người, số tiền: 12 tỷ đồng, trong đó:

a) Nguồn vốn ngân sách tỉnh bố trí là 10 tỷ đồng (Bổ sung năm 2018: 2 tỷ đồng, năm 2019: 4 tỷ đồng, năm 2020: 4 tỷ đồng);

b) Nguồn vốn thu từ gốc và lãi cho vay tại Ngân hàng chính sách xã hội quản lý bổ sung vào nguồn vốn cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 2 tỷ đồng (Năm 2019: 1 tỷ đồng, năm 2020: 1 tỷ đồng).

*(Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm)*

#### **D. Giải pháp thực hiện**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức các cấp uỷ Đảng, chính quyền và nhân dân trong tỉnh hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (xuất khẩu lao động). Xem công tác xuất khẩu lao động là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cần phải xác định và đưa chỉ tiêu này vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng năm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế-xã hội địa phương. Cùng cố đội ngũ cộng tác viên làm công tác xuất khẩu lao động tại các xã, phường, thị trấn; kịp thời phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xuất khẩu lao động.

- Tiếp tục mời Cục Quản lý lao động ngoài nước, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và các doanh nghiệp xuất khẩu lao động có uy tín về tỉnh phối hợp với Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh, tham gia tổ chức truyền hình “Giao lưu-toạ đàm trực tiếp với khán giả tại trường quay S1 Đài Phát thanh-Truyền hình Quảng Ngãi về Chương trình Việc làm-xuất khẩu lao động”, 02 chuyên mục/năm và phát lại chuyên mục này trên kênh PTQ cuối tuần vào ngày chủ nhật hằng tháng.

- Các cấp, các ngành phối hợp tạo điều kiện thuận lợi giúp người lao động thực hiện hoàn chỉnh các thủ tục khi đi xuất khẩu lao động như: chứng minh nhân dân, hộ khẩu, hộ chiếu, khám sức khỏe, lý lịch tư pháp... được nhanh chóng, kịp thời.

- Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh Quảng Ngãi tuyên truyền, hướng dẫn, thực hiện thủ tục vay vốn theo đúng quy định hiện hành, thực hiện giải ngân kịp thời, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tiếp cận nguồn vốn tham gia xuất khẩu lao động”.

- Xử lý nợ bị rủi ro, vi phạm hợp đồng đối với chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng: Thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng chính sách xã hội và quy định tại Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh.

- Xây dựng hệ thống quản lý thông tin và cơ sở dữ liệu về công tác xuất khẩu lao động. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm./.

---



**DỰ KIẾN ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN**

theo Quyết định Tờ trình số: **102**/TTr-UBND ngày **18** tháng **10** năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

| TT        | Nội dung<br>(Năm) | Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng |                |           |               |  |               |  |               |  |  |  |               |  |               |     |                |
|-----------|-------------------|---|----------------|-----------|---------------|--|---------------|--|---------------|--|--|--|---------------|--|---------------|-----|----------------|
|           |                   | Tổng cộng   |                | Tổng cộng |               | 1. Mức hỗ trợ người lao động thuộc diện chính sách |               |  |               | 2. Mức hỗ trợ người lao động không thuộc diện chính sách |  |  |               | 3. Chính sách hỗ trợ người lao động (không thuộc diện chính sách) vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng |               |     |                |
|           |                   | Người   | Tiền           | Người     | Tiền          | Cộng   |               | Đối tượng theo Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC được hỗ trợ thêm tiếng Nhật, Hàn | Cộng          |  | Đối tượng theo Khoản 3, Điều 16, Thông tư số 15/2017/TT-BTC được hỗ trợ bằng 5.000.000 đồng/1 lao động xuất cảnh | Mức hỗ trợ 3.000.000đ/1 lao động xuất cảnh |               |  |               |     |                |
| 1         | 2                 | 3   | 4              | 5         | 6             | 7  | 8             | 9  | 10            | 11   | 12   | 13   | 14            | 15   | 16            | 17  | 18             |
| A         | B                 | 1   | 2              | 3         | 4             | 5  | 6             | 7  | 8             | 11   | 12   | 13   | 14            | 15   | 16            | 17  | 18             |
| 1         | 2018              | 490   | 2.963.500.000  | 440       | 963.500.000   | 140  | 350.000.000   | 140  | 350.000.000   | 300  | 613.500.000  | 200  | 313.500.000   | 100  | 300.000.000   | 50  | 2.000.000.000  |
| 2         | 2019              | 770   | 6.478.350.000  | 670       | 1.478.350.000 | 160  | 408.000.000   | 160  | 408.000.000   | 510  | 1.070.350.000  | 310  | 470.350.000   | 200  | 600.000.000   | 100 | 5.000.000.000  |
| 3         | 2020              | 950   | 6.865.000.000  | 850       | 1.865.000.000 | 200  | 510.000.000   | 200  | 510.000.000   | 650  | 1.355.000.000  | 400  | 605.000.000   | 250  | 750.000.000   | 100 | 5.000.000.000  |
| Tổng cộng |                   | 2.210   | 16.306.850.000 | 1.960     | 4.306.850.000 | 500  | 1.268.000.000 | 500  | 1.268.000.000 | 1.460  | 3.038.850.000  | 910  | 1.388.850.000 | 550  | 1.650.000.000 | 250 | 12.000.000.000 |